

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03- 5- 2024

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1978- Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1967- Có mặt.

Cùng nơi cư trú: **Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lê Thị H** trình bày:

Bà và ông **Lê Văn C** kết hôn với nhau từ năm 2007, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên vợ chồng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; tuy nhiên sau đó lại nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp.

Nay bà xác định cuộc hôn nhân giữa bà và ông **Lê Văn C** đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông **C**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chưa tạo lập được tài sản chung gì và cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông **Lê Văn C** trình bày:

Ông và bà **Lê Thị H** kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc hay lừa dối gì, tuy nhiên do lạc hậu lên vợ chồng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với bà **H** có phát sinh nhiều mâu thuẫn như bà **H** trình bày là đúng.

Ông cũng xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do vậy nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà **H** để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương nơi cư trú; kết quả xác định: Ông **Lê Văn C** và bà **Lê Thị H** kết hôn năm 2007 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại **xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hiện tại vợ chồng không có con chung.

[4]. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Lê Thị H** và ông **Lê Văn C**.

- + Về con chung: Không có.
- + Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Bà **Lê Thị H** phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà **Lê Thị H** với bị đơn là ông **Lê Văn C**, cùng nơi cư trú: **xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lê Thị H** và ông **Lê Văn C** về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương; tuy nhiên, do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; tuy nhiên, sau đó lại nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hiện tại cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng để giải phóng cho cả hai người.

Qua đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân hiện nay giữa bà **H** và ông **C** đã ở mức trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do bà **H** và ông **C** sau khi tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương đã không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **H** và ông **C**.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà **Lê Thị H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Lê Thị H** và ông **Lê Văn C**.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà **Lê Thị H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007121 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà **Lê Thị H** đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Huy Bắc